

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ các Điều 212; Điều 213; Điều 396 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 298/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh Trần Văn T, sinh năm: 1984;
- Chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1985;

Cùng địa chỉ: khu phố H, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị K kết hôn với nhau ngày 16/01/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên H, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn, hai bên đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau, và tự nguyện kết hôn với nhau. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, bất đồng quan điểm về cuộc sống sinh hoạt gia đình, nhiều lần xảy ra cãi vã. Anh chị đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không thành và đã sống ly thân từ đầu năm 2026 cho đến nay. Anh Tập và chị Kiên cùng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên cùng thống nhất đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Đây là hôn nhân hợp pháp, các bên đều thừa nhận tình cảm vợ chồng cho nhau không còn, thống nhất ly hôn trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2] Về con chung:

Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị K có 02 con chung là Trần Huyền Trà M, sinh ngày 05/6/2006 và Trần Tuấn K, sinh ngày 08/8/2010.

Hai đương sự cùng thống nhất con chung Trần Huyền Trà M đã thành niên (đủ 18 tuổi), không có nhược điểm về thể chất hay tinh thần, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Trần Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Tuấn K cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Trần Tuấn K mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị K thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị K thống nhất không vay nợ chung của cá nhân, tổ chức nào, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị K thống nhất anh T là người nộp lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Tuấn K cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Trần Văn T tự nguyện nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002479 ngày 15/6/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh;
- UBND phường H (GCN kết hôn số 52, quyền số 6 ngày 16/01/2006 của UBND xã T, huyện Y, tỉnh Quảng Ninh);
- Lưu hồ sơ việc DS; VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thuý Huyền